

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên	
Ông Vũ Hoàng Thao	Thành viên	
Ông Dương Đức Tính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2018
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2018
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Hòa	Tổng Giám đốc
Ông Lê Vĩnh Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phùng Thúy Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Trưởng ban Tài chính - Đầu tư

Ông Triệu Văn Bằng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày 31/12/2018 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

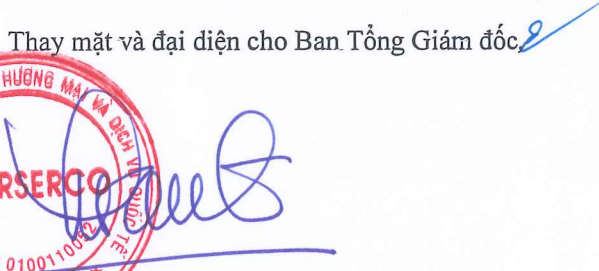
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc




Nguyễn Thái Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Số: 124/2019/UHY -BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22/03/2019, từ trang 06 đến trang 45 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty mẹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Công việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nhằm đưa ra ý kiến về tình hình tài chính theo các thủ tục kiểm toán thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Công việc này chỉ thực hiện được khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù và chi tiết hơn áp dụng riêng cho công tác kiểm toán quyết toán vốn đầu tư các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2018, Công ty chưa xem xét tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư khác với số dư 7.765.579.721 đồng của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận số dư đầy đủ (Tỷ lệ đối chiếu công nợ của các Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết là 77,04% và Tỷ lệ đối chiếu công nợ của các Khoản đầu tư khác là 94,66%). Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về số dư các khoản đầu tư chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 20.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đã lập hồ sơ và làm thủ tục này tuy nhiên đang đợi Bộ tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam giải quyết.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 0798-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1395-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		190.304.094.189	321.289.195.219
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.882.473.241	3.075.753.055
Tiền	111		4.293.973.241	3.075.753.055
Các khoản tương đương tiền	112		2.588.500.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	13.189.100.000	11.366.600.000
Chứng khoán kinh doanh	121		13.189.100.000	11.366.600.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.765.480.831	305.260.850.896
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	74.388.148.143	80.905.738.360
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.856.181.405	9.612.253.193
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	14	4.399.800.000	11.317.051.900
Các khoản phải thu khác	136	6	68.638.135.533	202.942.591.693
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	7	483.215.750	483.215.750
Hàng tồn kho	140		6.987.253.072	514.198.756
Hàng tồn kho	141	8	6.987.253.072	514.198.756
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.479.787.045	1.071.792.512
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	152.196.352	100.910.986
Thuế GTGT được khấu trừ	152		474.294.545	101.166.163
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	853.296.148	869.715.363
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		416.307.151.612	330.541.173.655
Tài sản cố định	220		28.387.627.086	34.673.769.519
Tài sản cố định hữu hình	221	10	28.182.947.080	34.390.524.639
- Nguyên giá	222		84.345.447.482	83.949.447.482
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.162.500.402)	(49.558.922.843)
Tài sản cố định vô hình	227	11	204.680.006	283.244.880
- Nguyên giá	228		392.400.000	392.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(187.719.994)	(109.155.120)
Tài sản dở dang dài hạn	240		168.506.724.844	125.849.490.826
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	168.506.724.844	125.849.490.826
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	217.323.209.126	168.392.414.069
Đầu tư vào công ty con	251		84.796.118.885	28.649.324.750
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		32.521.242.229	96.158.101.815
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		103.700.957.936	46.380.712.101
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.695.109.924)	(2.795.724.597)
Tài sản dài hạn khác	260		2.089.590.556	1.625.499.241
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.089.590.556	1.625.499.241
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		606.611.245.801	651.830.368.874

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		271.807.928.648	316.966.477.200
Nợ ngắn hạn	310		178.017.694.637	226.963.268.212
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	12.905.525.754	4.309.859.479
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		106.389.419	592.200.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	84.041.050	2.429.475.325
Phải trả người lao động	314		1.253.777.667	1.109.735.749
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.231.173.373	1.310.337.164
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		376.687.728	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	123.239.193.462	160.970.754.311
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	38.792.055.296	56.212.055.296
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		28.850.888	28.850.888
Nợ dài hạn	330		93.790.234.011	90.003.208.988
Phải trả người bán dài hạn	331	15	41.364.205.069	40.456.666.046
Phải trả dài hạn khác	337	18	52.426.028.942	49.546.542.942
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		334.803.317.153	334.863.891.674
Vốn chủ sở hữu	410	20	334.803.317.153	334.863.891.674
Vốn góp của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	360.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.000.000.000	360.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(25.196.682.847)	(25.136.108.326)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		606.611.245.801	651.830.368.874

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Trưởng ban Tài chính- Đầu tư

Tổng Giám đốc



Phùng Ngọc Dung



Triệu Văn Bằng




Nguyễn Thái Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Từ 30/11/2016
			VND	đến 31/12/2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	46.700.798.765	27.053.825.699
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		46.700.798.765	27.053.825.699
Giá vốn hàng bán	11	23	39.003.530.491	20.849.044.456
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.697.268.274	6.204.781.243
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	7.877.631.940	10.445.489.582
Chi phí tài chính	22	25	2.584.250.089	1.225.849.150
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		777.700.441	479.005.153
Chi phí bán hàng	25	26	2.916.394.312	624.380.124
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	11.548.564.593	14.438.770.387
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.474.308.780)	361.271.164
Thu nhập khác	31	27	1.500.512.344	13.183.341.044
Chi phí khác	32	28	42.667.905	13.151.896.595
Lợi nhuận khác	40		1.457.844.439	31.444.449
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(16.464.341)	392.715.613
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(16.464.341)	392.715.613

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Trưởng ban Tài chính- Đầu tư

Tổng Giám đốc

Phùng Ngọc Dung

Triệu Văn Bằng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
INTERSERCO
MSDN: 0100110032
TP. HÀ NỘI

Nguyễn Thái Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		45.770.208.119	32.255.258.788
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(52.215.563.269)	(37.283.335.312)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.338.365.694)	(9.988.859.701)
Tiền lãi vay đã trả	04		(782.717.808)	(36.231.434)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		143.793.486.161	85.593.979.166
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(51.983.543.321)	(19.197.257.422)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		75.243.504.188	51.343.554.085
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(31.973.833.804)	(114.202.321.312)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	620.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.822.500.000)	(12.195.418.182)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	500.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.551.208.666)	(12.220.660.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		329.741.765	272.432.034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(54.017.800.705)	(137.225.967.460)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		66.030.503.318	111.400.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(83.450.503.318)	(62.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.420.000.000)	49.100.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.805.703.483	(36.782.413.375)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.075.753.055	39.806.207.086
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.016.703	51.959.344
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	6.882.473.241	3.075.753.055

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Phùng Ngọc Dung

Trưởng ban Tài chính- Đầu tư

Triệu Văn Bằng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thái Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (tiền thân là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) - (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 218/2005/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế được hoạt động và thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100110052 chuyển từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000354 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2006, thay đổi lần thứ 14 ngày 30 tháng 11 năm 2016 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ

Tên tiếng anh: INTERNATIONAL INVESTMENT TRADE AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY.

Tên công ty viết tắt: INTERSERCO.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của công ty: 360.000.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ đồng).

Đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tiến Toàn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thái Hòa - Tổng Giám đốc

Các chi nhánh:

- Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng. Địa chỉ: Cụm 4, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Mã số chi nhánh: 0100110052-005;

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trên lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây lắp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
Chi tiết: kinh doanh dịch vụ logistics.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: dịch vụ hàng tạm nhập tái xuất và quá cảnh. Kinh doanh bán hàng miễn thuế.
Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất giày dép;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì giấy và bìa;
- In ấn;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán buôn tổng hợp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ ăn uống khác;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường).
- Cổng thông tin;
(Trừ hoạt động báo trí).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
(Trừ được phẩm).
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất Nhà nước cấm).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Hoạt động các đại lý và môi giới bảo hiểm;
Chi tiết : Hoạt động của các đại lý bảo hiểm.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Đại lý du lịch;
- Giao dịch nghề nghiệp;
Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao - không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật khác có liên quan;
- Quảng cáo;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Hoạt động các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.
Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu;
Chi tiết: Kinh doanh, chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản nhà nước cấm).
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Chi tiết: kinh doanh vận tải đa phương thức.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ kinh doanh thông thường là dưới 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Đơn vị

A. Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

1. Xí nghiệp Sản xuất và Thương mại Sơn Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc bao gồm:

1. Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế;
2. Xí nghiệp sản xuất và Thương mại Sơn Đồng - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế;

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc; lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác sẽ vẫn được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Lợi nhuận được chia hàng năm từ các khoản đầu tư tài chính được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Một số tài sản được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31/12/2014 và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội theo quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị văn phòng	03 - 10
- Tài sản cố định khác	04 - 25

3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và phần mềm kiểm soát bãi đỗ xe. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Phần mềm máy vi tính	03 - 08
- Tài sản cố định khác	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và các khoản chi phí khác được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng theo phương pháp đường thẳng theo các qui định kế toán hiện hành. Các chi phí trả trước dài hạn khác có thời gian phân bổ không quá 03 năm.

3.11 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay. Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

3.13. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa có đủ hồ sơ.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế tổng số cổ phần 36.000.000, mệnh giá cổ phần 10.000 VND/cổ phần. Theo Quyết định số 6955/QĐ-UBND ngày 16/12/2016 về việc chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế chiếm 45% vốn điều lệ, phần vốn của các cổ đông khác chiếm 55% vốn điều lệ.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ hoạt động đầu tư, các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư, Công ty ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

3.18. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Tiền mặt	116.671.091	28.526.911
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.177.302.150	3.047.226.144
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	2.588.500.000	-
	6.882.473.241	3.075.753.055

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	74.388.148.143	80.905.738.360
- Công ty Cổ phần vận tải Thương mại và Xuất nhập khẩu Thiện Tài	24.403.472.000	24.503.472.000
- Công ty Cổ phần Măng gan Chiến Thắng	18.878.342.970	18.878.342.970
- XNXD3 - Tổng công ty Đầu tư và PT hạ tầng đô thị UDIC - Cty TNHH MTV	8.499.377.310	8.749.377.310
- Công ty Cổ phần thương mại điện máy Việt Long	7.071.103.654	7.071.103.654
- Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	2.799.000.001	3.891.350.482
- Công ty Cổ phần đối tác Hàng hóa Hàng không	1.257.794.611	-
- Công ty TNHH MTV Khai thác chế biến Khoáng sản Nam Vượng	2.670.312.545	2.670.312.545
- Công ty Cổ phần Interserco - CB	2.529.465.753	2.529.465.753
- Công ty Cổ phần Đồng Tâm	2.357.550.000	2.357.550.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	299.096.144	3.273.096.144
- Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	-	2.823.540.530
- Tổng công ty Đầu tư và PT hạ tầng đô thị UDIC - Cty TNHH MTV	-	1.400.059.083
- Các khách hàng khác	3.622.633.155	2.758.067.889
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	5.635.071.898	9.739.450.379
- Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	2.799.000.001	3.891.350.482
- Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	299.096.144	3.273.096.144
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	7.510.000	45.538.000
- Công ty Cổ phần Interserco - CB	2.529.465.753	2.529.465.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	68.638.135.533	-	202.942.591.693	-
- Phải thu cơ quan Bảo hiểm	-	-	5.043.871	-
- Phải thu khác	32.326.112.210	-	158.019.160.506	-
+ Công ty Cổ phần Điện tử Giàng Vỡ	185.433.992	-	10.211.580.987	-
+ Công ty Cổ phần Bất động sản AZ	-	-	115.218.105.584	-
+ Bà Phùng Thúy Hoa	5.009.358.904	-	4.800.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	5.911.274.827	-	8.524.998.000	-
+ Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	3.471.678.081	-	3.482.080.217	-
+ Ông Trịnh Quang Chiến	3.560.333.333	-	3.560.333.333	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	497.250.000	-	1.000.000.000	-
+ Trường Trung cấp nghề nhân lực Quốc tế Hà Nội	185.503.426	-	4.253.062.222	-
+ Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế	-	-	200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	1.102.630.348	-	1.761.353.916	-
+ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đồng Gia Phát	2.816.668.586	-	2.698.950.000	-
+ Bà Nguyễn Nhật Lam	1.069.455.000	-	180.563	-
+ Bà Nguyễn Thụy Hương	5.402.804.734	-	60.188	-
+ Các đối tượng khác	3.113.720.979	-	2.308.455.496	-
- Ký cược, ký quỹ	68.158.600	-	37.100.000	-
- Các khoản tạm ứng	36.243.864.723	-	44.881.287.316	-
+ Bà Phùng Thúy Hoa	4.501.300.000	-	6.960.592.000	-
+ Bà Nguyễn Thụy Hương	-	-	5.902.804.734	-
+ Ông Đặng Tài Hùng	16.670.000.000	-	16.670.000.000	-
+ Bà Trịnh Bích Hồng	6.930.000.000	-	7.339.000.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Anh Tú	3.079.491.000	-	759.900.000	-
+ Bà Nguyễn Thị Hằng	2.285.820.300	-	2.645.013.300	-
+ Các đối tượng khác	2.777.253.423	-	4.603.977.282	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
	68.638.135.533	-	202.942.591.693	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
c. Phải thu khác là các bên liên quan	21.176.245.586	-	31.225.086.355	-
+ Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	1.102.630.348	-	1.761.353.916	-
+ Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực và Thương mại Quốc tế	497.250.000	-	200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	3.471.678.081	-	3.482.080.217	-
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	5.911.274.827	-	8.524.998.000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	497.250.000	-	1.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần dịch vụ sân bay	-	-	243.000.000	-
+ Trường Trung cấp nghề nhân lực Quốc tế Hà Nội	185.503.426	-	4.253.062.222	-
+ Bà Phùng Thúy Hoa	5.009.358.904	-	4.800.000.000	-
Tạm ứng là các bên liên quan				
+ Bà Phùng Thúy Hoa	4.501.300.000	-	6.960.592.000	-

7. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Hợp đồng đá subbase (*)	483.215.750	483.215.750
	483.215.750	483.215.750

(*) Công ty có thực hiện hợp đồng mua bán đá nhưng trong quá trình thực hiện khách mua đã tự ý huỷ hợp đồng. Do đó, lô hàng này được gửi tại bãi của người bán (có biên bản xác nhận). Sau đó, Công ty đã tìm khách hàng để thực hiện bán lô hàng này nhưng không thành công. Công ty đã gửi hồ sơ để xác nhận công nợ hàng năm nhưng đều không có người nhận và đều bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.744.211	-	46.744.211	-
- Hàng hoá	6.639.295.304	-	467.454.545	-
- Hàng gửi đi bán	301.213.557	-	-	-
	6.987.253.072	-	514.198.756	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	152.196.352	100.910.986
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	152.196.352	100.910.986
b. Chi phí trả trước dài hạn	2.089.590.556	1.625.499.241
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	495.775.888	823.413.957
- Chi phí giới thiệu cảng ICD Mỹ Đình	811.394.957	-
- Chi phí đền bù hoa màu	316.263.981	327.328.605
- Chi phí trả trước dài hạn khác	466.155.730	474.756.679
	2.241.786.908	1.726.410.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
01/01/2018	79.089.355.937	1.748.547.532	2.808.708.013	50.960.000	251.876.000	83.949.447.482						
- Tăng do đầu tư mua sắm	-	-	396.000.000	-	-	396.000.000						
31/12/2018	79.089.355.937	1.748.547.532	3.204.708.013	50.960.000	251.876.000	84.345.447.482						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
01/01/2018	45.672.280.527	1.402.799.610	2.301.944.096	32.022.610	149.876.000	49.558.922.843						
- Khấu hao trong năm	5.954.702.477	242.717.626	380.740.959	8.416.493	17.000.004	6.603.577.559						
31/12/2018	51.626.983.004	1.645.517.236	2.682.685.055	40.439.103	166.876.004	56.162.500.402						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
01/01/2018	33.417.075.410	345.747.922	506.763.917	18.937.390	102.000.000	34.390.524.639						
31/12/2018	27.462.372.933	103.030.296	522.022.958	10.520.897	84.999.996	28.182.947.080						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
01/01/2018	392.400.000	392.400.000
31/12/2018	<u>392.400.000</u>	<u>392.400.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2018	109.155.120	109.155.120
- Khấu hao trong năm	78.564.874	78.564.874
31/12/2018	<u>187.719.994</u>	<u>187.719.994</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
01/01/2018	<u>283.244.880</u>	<u>283.244.880</u>
31/12/2018	<u>204.680.006</u>	<u>204.680.006</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
- Dự án Đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội (*)	167.421.861.208	124.764.627.190
- Dự án Đầu tư Xây dựng Trung tâm Logistics tại Trà Lĩnh, Cao Bằng	1.084.863.636	1.084.863.636
	<u>168.506.724.844</u>	<u>125.849.490.826</u>

(*) Dự án Đầu tư xây dựng cảng cạn ICD Mỹ Đình tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội được khởi công xây dựng vào tháng 02 năm 2017 với Tổng mức đầu tư được phê duyệt là 1.703.546.489.000 đồng. Thời gian thực hiện dự án dự kiến từ tháng 02/2017 đến tháng 12/2020. Đến thời điểm hiện tại, Dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

13.1. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng giá trị trái phiếu	13.189.100.000	11.366.600.000
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Logistic Hàng không (*)	11.366.600.000	11.366.600.000
+ Trái phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay (**)	1.822.500.000	-
Cộng	13.189.100.000	11.366.600.000

(*) Là loại trái phiếu chuyển đổi được chào bán trực tiếp với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, lãi suất cố định 4%/năm, kỳ hạn 36 tháng, kỳ tính lãi 6 tháng/lần, tỷ lệ chuyển đổi là 1:10.

(**) Là loại trái phiếu chuyển đổi được chào bán trực tiếp với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, lãi suất cố định 4%/năm, kỳ hạn 24 tháng, kỳ tính lãi 1 năm/lần, tỷ lệ chuyển đổi là 1:10.

13.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Đầu tư vào Công ty con	84.796.118.885	28.649.324.750
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	32.521.242.229	96.158.101.815
- Đầu tư vào đơn vị khác	103.700.957.936	46.380.712.101
	221.018.319.050	171.188.138.666

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

Tên Công ty con	Vốn điều lệ VND	31/12/2018 VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	30.000.000.000	15.300.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	10.000.000.000	8.160.000.000	3.412.619.924
- Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	30.000.000.000	18.673.724.750	-
- Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	17.220.000.000	9.180.000.000	282.490.000
- Công ty CP Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	65.000.000.000	33.482.394.135	-
		84.796.118.885	3.695.109.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

<u>Tên Công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>31/12/2018</u> <u>VND</u>
- Công ty TNHH khai thác và chế biến đá An Bình	4.725.688.990
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	754.000.000
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Din - Interserco Việt Nam (1)	900.000.000
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế Hải Phòng	1.441.000.000
- Công ty CP Interserco - CB	1.250.000.000
- Công ty CP Interserco 19	200.000.000
- Công ty CP đầu tư Bất động sản Quốc tế	9.594.973.518
- Công ty TNHH Interserco Cao Bằng	384.000.000
- Trường Trung cấp Nghề Nhân lực Quốc tế Hà Nội	4.500.000.000
- Công ty May liên doanh Plummy	3.920.787.063
- Công ty Cổ phần Chuối Cung ứng Liên hợp	2.940.000.000
- Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc (2)	1.910.792.658
	<u><u>32.521.242.229</u></u>

(1) Theo Giấy xác nhận của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội ngày 12/05/2016, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN-Interserco Việt Nam đã đăng ký tạm dừng kinh doanh từ ngày 30/05/2016 đến 29/05/2017.

(2) Theo thông báo ngày 02/12/2016 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lai Châu, Công ty Cổ phần Tây Tây Bắc đã giải thể do sản xuất kinh doanh không hiệu quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

13.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Logistics Hàng Không	32.353.156.997	-
- Công ty Cổ phần dịch vụ Sân bay (3)	2.559.344.585	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 1	22.632.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	-	224.255.747
- Công ty TNHH Thương mại Kim Thanh - Dự án vườn sinh thái Cẩm Đình	42.513.726.109	42.513.726.109
- Công ty CP dịch vụ xuất nhập khẩu Quốc tế Interfoods	424.720.000	424.720.000
- Công ty CP TM & DV Tổng hợp An Bình	2.253.010.245	2.253.010.245
- Công ty CP Đầu tư Công nghiệp hoá chất Lào Cai	300.000.000	300.000.000
- Công ty CP kinh doanh dịch vụ Interserco Hà Nội	125.000.000	125.000.000
- Công ty CP Tập đoàn đầu tư tài chính, vàng Việt Nam	540.000.000	540.000.000
	103.700.957.936	46.380.712.101

(3) Theo thông báo số 08/2018/ASG ngày 15/02/2018 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay về việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, Công ty được quyền nhận Cổ phiếu thưởng với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:70. Như vậy, đến thời điểm 31/12/2018, số cổ phiếu của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân Bay là 413.100 Cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	4.399.800.000	4.399.800.000	11.317.051.900	11.317.051.900
+ Hợp đồng điện nhẹ với Công ty Cổ phần Điện tử Giảng Võ	-	-	6.917.251.900	6.917.251.900
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN-Interserco Việt Nam	159.800.000	159.800.000	159.800.000	159.800.000
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000
+ Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000

Thông tin bổ sung về các khoản cho vay nắm giữ đến ngày báo cáo ngắn hạn:

Các khoản cho vay

	Ngày hợp đồng	Ngày hết hạn	Tình trạng thu hồi
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ DIN-Interserco Việt Nam	01/04/2014	không quá 02 tháng kể từ ngày 25/04/2014	Chưa thu hồi được
+ Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	30/11/2012	7 tháng sau khi ký hợp đồng	Chưa thu hồi được
+ Công ty Cổ phần INTERSERCO VCI	20/04/2017	< 12 tháng từ ngày ký hợp đồng	Chưa thu hồi được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	12.905.525.754	12.905.525.754	4.309.859.479	4.309.859.479
- Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	-	1.881.086.734	1.881.086.734
- Công ty TNHH XD Thanh Hoa	1.019.312.000	1.019.312.000	1.019.312.000	1.019.312.000
- Công ty TNHH CHUNGHO VINA - Chi nhánh Hà Nội	2.906.349.999	2.906.349.999	-	-
- Công ty TNHH Hafele Việt Nam	689.218.543	689.218.543	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	4.715.590.000	4.715.590.000	-	-
- Các đối tượng khác	3.575.055.212	3.575.055.212	1.409.460.745	1.409.460.745
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	41.364.205.069	41.364.205.069	40.456.666.046	40.456.666.046
- Công ty Glorious (Singapore) Pte Ltd	37.115.948.869	37.115.948.869	36.301.617.446	36.301.617.446
- Công ty TNHH Changlin	4.248.256.200	4.248.256.200	4.155.048.600	4.155.048.600
	54.269.730.823	54.269.730.823	44.766.525.525	44.766.525.525
c. Phải trả người bán là các bên liên quan	4.715.590.000	4.715.590.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	4.715.590.000	4.715.590.000	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	(16.419.215)	835.689.052	751.613.689	67.656.148
- Thuế xuất, nhập khẩu	(37.758.123)	-	-	(37.758.123)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(815.538.025)	-	-	(815.538.025)
- Thuế thu nhập cá nhân	57.227.121	556.791.220	613.661.943	356.398
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	672.642.000	9.080.457.640	9.753.099.640	-
- Các loại thuế khác	171.397.060	27.290.852	182.659.408	16.028.504
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.528.209.144	3.026.889	1.531.236.033	-
	1.559.759.962	10.503.255.653	12.832.270.713	(769.255.098)

Trong đó:

Phải nộp

Phải thu

84.041.050
853.296.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	1.231.173.373	1.310.337.164
- Lãi vay phải trả	999.945.203	397.923.287
- Các khoản trích trước khác	231.228.170	912.413.877

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a. Ngắn hạn	123.239.193.462	160.970.754.311
Kinh phí công đoàn	32.510.042	29.323.766
Các khoản phải trả, phải nộp khác	123.206.683.420	160.941.430.545
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam (*)</i>	<i>45.203.127.617</i>	<i>45.203.127.617</i>
<i>Công ty cổ phần Logistics Hàng Không (*)</i>	<i>35.493.704.528</i>	<i>35.493.704.528</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (*)</i>	<i>3.114.611.124</i>	<i>3.114.611.124</i>
<i>Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình (*)</i>	<i>11.307.344.849</i>	<i>11.307.344.849</i>
<i>Số tiền phải nộp về nhà nước (**)</i>	<i>-</i>	<i>38.734.747.125</i>
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam (***)</i>	<i>25.481.077.208</i>	<i>25.481.077.208</i>
<i>Ngân hàng Đầu tư Phát triển - CN Hà Đông (***)</i>	<i>189.545.619</i>	<i>189.545.619</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>2.417.272.475</i>	<i>1.417.272.475</i>
b. Dài hạn	52.426.028.942	49.546.542.942
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	52.426.028.942	49.546.542.942
c. Phải trả khác là các bên liên quan	92.204.176.994	92.204.176.994
<i>Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình</i>	<i>11.307.344.849</i>	<i>11.307.344.849</i>
<i>Công ty cổ phần Logistics Hàng Không</i>	<i>35.493.704.528</i>	<i>35.493.704.528</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam</i>	<i>45.203.127.617</i>	<i>45.203.127.617</i>
<i>Ông Phùng Tiến Toàn</i>	<i>200.000.000</i>	<i>200.000.000</i>

(*): Theo công văn số 2998/STC-TCĐN ngày 30/05/2016 của Sở tài chính và công văn số 3580/UBND-KT ngày 15/06/2016 của UBND Thành phố Hà Nội quy định Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế có trách nhiệm:

- Thực hiện quản lý, hạch toán và sử dụng đúng mục đích số tiền 145.218.105.584 VND (sau khi trừ đi giá trị tài sản để góp vốn vào Công ty Cổ phần là nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất là 34.781.894.416 VND) do các đối tác hỗ trợ chi phí đi dời, bồi thường và lợi thế khai thác tài sản trên đất khi thực hiện dự án số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định. Trong đó, giá trị bồi thường và chi phí hỗ trợ đi dời đối với các Công ty đang kinh doanh khai thác tại khu đất 17 Phạm Hùng, Hà Nội cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)

Nội dung	Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (1)	Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam
Bồi thường nhà cửa, công trình vật kiến trúc trên đất	7.259.393.491		20.966.179.815	42.358.640.054
Bồi thường về các khoản chi phí đầu tư thêm	120.695.567		300.318.435	1.495.035.156
Bồi thường do vi phạm hợp đồng			3.250.320.000	
Chi phí hỗ trợ di dời	3.927.255.791	3.354.611.124	10.976.886.279	1.349.462.407
Cộng	11.307.344.849	3.354.611.124	35.493.704.529	45.203.137.617

(1) Đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế sau khi đã chính thức trở thành Công ty Cổ phần.

(**): Theo Quyết định 8396/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc xác định chi phí cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (30/11/2016), tăng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước do Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế nhận khoản bồi thường, hỗ trợ khi di dời cảng nội địa (ICD) Mỹ Đình để thực hiện dự án tại địa điểm số 17 đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội và do xác định lại các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp số tiền 13.120.812.289 VND, giảm giá trị thực tế phần vốn Nhà nước các khoản xử lý giảm vốn Nhà nước giai đoạn hậu cổ phần số tiền 5.638.232.344 VND, khoản công nợ phải thu khó đòi của Công ty CP JSQ 13.475.567.655 VND và Công ty Cổ phần TST Engineering - Việt Nam 2.374.217.523 VND. Theo Công văn số 551/STC-TCDN của Sở tài chính gửi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 22/01/2018, đối với việc đánh giá tăng các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, các khoản đầu tư được tăng thêm bằng việc chuyển đổi từ công nợ phải thu và khoản đầu tư được xác định tăng khi xác định doanh nghiệp với số tiền 3.003.851.822 đồng.

(***): Xem thuyết minh số 20.1 phần thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ
Số 17 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	38.792.055.296	38.792.055.296	83.450.503.318	56.212.055.296
Vay ngắn hạn				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh (1)	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Đông (2)	499.953.917	499.953.917	-	499.953.917
- Bà Bùi Thị Minh Tân	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ông Đặng Tài Hùng	-	-	500.000.000	500.000.000
- Ông Đinh Tiến Dũng	-	200.000.000	200.000.000	-
- Ông Lê Ngọc	-	800.000.000	800.000.000	-
- Ông Nguyễn Khắc Hiếu	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Thái Hòa	-	500.000.000	500.000.000	-
- Bà Phùng Thủy Hoa	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ông Phùng Tiến Toàn	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- Ông Vũ Thanh Hải	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
- Ông Vũ Hoàng Thao	-	7.800.000.000	7.800.000.000	-
- Bà Đào Thị Hạnh	-	-	500.000.000	500.000.000
- Bà Ngô Hoàng Yến	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Bà Nguyễn Minh Hào	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
- Bà Phùng Ngọc Dung	-	-	200.000.000	200.000.000
- Bà Vũ Thị Hải Hà	-	-	200.000.000	200.000.000
- Ông Nguyễn Hữu Thọ	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng ALS (3)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Công ty cổ phần Logistics Hàng Không	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay Sài Gòn	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
- Công ty Cổ phần tiếp vận Thế kỷ	-	8.500.000.000	8.500.000.000	-
- Công ty CP Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
- Trung tâm Mỹ thuật và Phát triển văn hóa	192.101.379	192.101.379	20.000.000	212.101.379
- Công ty TNHH Xây dựng Thanh Hoa	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	-	1.230.503.318	1.230.503.318	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

(1) Khoản vay theo hợp đồng số 24/2018/HĐCVTL/NHCT144-INTERSECO ngày 29/06/2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, theo đó hai bên thống nhất ký hợp đồng vay vốn với số tiền vay không vượt 28.000.000.000 đồng, lãi suất kỳ tính lãi đầu tiên là 7%/năm. Thời hạn giải ngân là thời gian từ ngày ký Hợp đồng đến hết ngày 03/07/2018. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Mục đích vay vốn dùng để bù đắp các chi phí mà Công ty đã ứng trước vốn tự có để thực hiện Dự án ĐTXD Cảng cạn ICD Mỹ Đình theo các hồ sơ sau: Hợp đồng thực hiện công tác GPMB số 30/2016/HĐ-GPMB/INTERSECO-CNTTPTQĐ ngày 14/10/2016 và các Phụ lục đi kèm; Quyết định số 6615/QĐ-UBND ngày 08/08/2017 của UBND huyện Hoài Đức về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của 75 hộ gia đình, cá nhân có diện tích, cây cối hoa màu năm trong phạm vi thu hồi thực hiện dự án ĐTXD Cảng cạn ICD Mỹ Đình, tại xác Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Hợp đồng kinh tế số 18/2017/HĐ-QLDA ngày 09/05/2017, gói thầu TV-02: Tư vấn Quản lý dự án. Hợp đồng kinh tế số 26/2017/HĐTV ngày 26/07/2017, gói thầu TV-03: Đo đạc khảo sát địa chất bước TKKT,TKBVTC.

(2) Là số tiền nợ gốc của Xí nghiệp Tơ tằm Đan Hoài (năm 1997 bàn giao nguyên trạng sang Công ty Giấy Hà Tây, nay bàn giao sang Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế) vay Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây (nay là Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hà Tây) mục đích vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

(3) Là khoản vay theo hợp đồng cho vay tiền giữa Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế ngày 20/09/2018, với số tiền là: 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 06 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên 01/10/2018, lãi suất 7,3% tại thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay: tín chấp. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Tổng cộng
	VND	VND	VND
30/11/2016	360.000.000.000	(23.700.359.093)	336.299.640.907
- Lãi trong năm	-	392.715.613	392.715.613
- Giảm khác	-	(1.828.464.846)	(1.828.464.846)
31/12/2017	<u>360.000.000.000</u>	<u>(25.136.108.326)</u>	<u>334.863.891.674</u>
01/01/2018	360.000.000.000	(25.136.108.326)	334.863.891.674
- Lãi trong năm	-	(16.464.341)	(16.464.341)
- Tăng khác (**)	-	252.000.000	252.000.000
- Giảm khác (***)	-	(296.110.180)	(296.110.180)
31/12/2018	<u>360.000.000.000</u>	<u>(25.196.682.847)</u>	<u>334.803.317.153</u>

(*) Theo Quyết định 6988/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt giá trị Doanh nghiệp và phương án cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: “Giảm lỗ năm 2014 từ nguồn phải trả lãi vay Ngân hàng số tiền là 23.700.359.093 đồng. Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ, thủ tục đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, xử lý xoá nợ lãi vay phải trả theo quy định. Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đã lập hồ sơ và làm thủ tục này tuy nhiên đang đợi Bộ tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam giải quyết.

(**) Là khoản điều chỉnh do không trích thù lao Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận sau thuế số tiền 252.000.000 đồng.

(***) Là khoản thanh toán thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 số tiền 177.600.000 đồng; Kết quả kinh doanh của đội xe 118.510.180 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %	Tổng số vốn đã góp VND	Tỷ lệ vốn góp %
Vốn góp của Nhà nước	162.000.000.000	45,00%	162.000.000.000	45,00%
Vốn góp các đối tượng khác	198.000.000.000	55,00%	198.000.000.000	55,00%
+ Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	97.200.000.000	27,00%	97.200.000.000	27,00%
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall	13.257.000.000	3,68%	18.000.000.000	5,00%
+ Ông Phùng Tiến Toàn	16.200.000.000	4,50%	16.200.000.000	4,50%
+ Bà Phan Thị Thanh Hoa	9.961.000.000	2,77%	10.800.000.000	3,00%
+ Ông Bùi Thế Đức	9.925.000.000	2,76%	-	-
+ Ông Lý Như Anh	8.656.000.000	2,40%	-	-
+ Ông Vũ Thanh Sơn	7.500.000.000	2,08%	-	-
+ Ông Lê Trung Định	-	-	17.500.000.000	4,86%
+ Ông Nguyễn Văn Quang	-	-	17.500.000.000	4,86%
+ Đối tượng khác	35.301.000.000	9,81%	20.800.000.000	5,78%
	360.000.000.000	100,00%	360.000.000.000	100,00%

20.3 BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2018 VND	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 VND
+ Vốn góp đầu năm	360.000.000.000	360.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	360.000.000.000	360.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20.4 CỔ PHIẾU

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.000	36.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	36.000.000	36.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<u>Ngoại tệ các loại</u>	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Đô la Mỹ (USD)	1.534,17	3.211,67
Yên Nhật (JPY)	32.221,00	33.673,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
	VND	VND
Doanh thu	46.700.798.765	27.053.825.699
- Doanh thu bán hàng hóa	3.189.802.497	1.422.178.089
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.510.996.268	25.631.647.610
Doanh thu với các bên liên quan	13.939.572.727	15.211.398.182
+ Công ty cổ phần Interserco Mỹ Đình	13.832.909.091	14.970.000.000
+ Công ty Cổ phần Càng Sơn Tây	20.454.545	-
+ Công ty Cổ phần Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	4.281.818	-
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	81.927.273	241.398.182

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	2.641.075.669	1.402.227.272
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	36.362.454.822	19.446.817.184
	39.003.530.491	20.849.044.456

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	735.952.767	312.616.003
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.914.970.000	10.132.873.579
- Trái tức từ trái phiếu chuyển đổi của ALS	226.709.173	-
	7.877.631.940	10.445.489.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	777.700.441	479.005.153
- Lỗ hoạt động hợp tác đầu tư	-	480.118.924
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	36.816.901
- Chiết khấu thanh toán	642.000	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	906.522.320	229.908.172
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	899.385.327	-
	2.584.250.089	1.225.849.150

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
	VND	VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	11.548.564.593	14.438.770.387
- Chi phí nhân viên quản lý	7.396.504.646	10.007.932.904
- Chi phí đồ dùng văn phòng	98.005.091	-
- Chi phí quản lý	321.999.175	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	648.908.090	825.109.924
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	66.405.231	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	658.673.907	-
- Chi phí khác bằng tiền	2.358.068.453	3.605.727.559
b. Các khoản chi phí bán hàng	2.916.394.312	624.380.124
- Chi phí nhân công	2.732.526.443	566.842.886
- Chi phí vật liệu, bao bì	17.910.000	-
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	45.008.771	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	55.341.657	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.089.303	-
- Chi phí bằng tiền khác	20.518.138	57.537.238
	14.464.958.905	15.063.150.511

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
	VND	VND
- Thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh	1.050.000.000	-
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	105.993.507
- Dự án pháo hoa 10/10	-	13.000.000.000
- Thu nhập khác	450.512.344	77.347.537
	1.500.512.344	13.183.341.044

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
	VND	VND
- Tiền phạt vi phạm hành chính, thuế	9.442.640	71.358.373
- Dự án pháo hoa 10/10	-	13.000.000.000
- Các khoản chi phí khác	33.225.265	80.538.222
	42.667.905	13.151.896.595

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
	VND	VND
- Chi phí nhân công	11.985.424.263	10.574.775.790
- Chi phí vật liệu	499.462.162	3.466.386.077
- Khấu hao tài sản cố định	6.728.984.088	8.898.008.538
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.511.213.651	2.197.386.708
- Chi phí bằng tiền khác	10.734.414.261	9.373.410.582
	52.459.498.425	34.509.967.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

30.1 THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
	VND	VND
Tổng thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	2.618.994.000	3.340.076.689
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	192.000.000	-
- Lương, thưởng và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc	2.426.994.000	3.340.076.689

30.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		Năm 2018	Từ 31/11/2016 đến 31/12/2017
		VND	VND
Mua hàng từ bên liên quan	Mối quan hệ	8.687.087.063	-
Công ty Cổ phần Interserco 19	Công ty liên kết	45.454.545	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	3.002.084.335	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty con	340.000.000	-
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	4.545.455	-
Công ty Cổ phần Xây dựng ICC Việt Nam	Công ty con	5.295.002.727	-

		Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
		VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	Mối quan hệ	5.683.320.000	8.524.998.000
Công ty Cổ phần Logistic Hàng Không	Công ty liên kết	351.900.000	765.000.000
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	-	243.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sân bay	Công ty liên kết	382.500.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	Công ty con	497.250.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Interserco Việt Nam	Công ty con	-	-

		Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
		VND	VND
Thu nhập khác	Mối quan hệ	-	241.398.182
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	1.050.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Sơn Tây	Công ty con	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

30.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

		Năm 2018	Từ 30/11/2016 đến 31/12/2017
		VND	VND
Vay vốn	Mối quan hệ	4.730.503.318	14.000.000.000
Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch HĐQT	-	3.000.000.000
Ông Nguyễn Thái Hòa	Tổng Giám đốc	500.000.000	-
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên HĐQT	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không	Công ty Liên kết	-	10.000.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty Liên kết	1.230.503.318	-
Công ty CP Cung ứng nhân lực và Thương mại Quốc tế	Công ty con	3.000.000.000	-

30.3 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Trả trước cho người bán	Mối quan hệ	5.546.313.206	3.779.886.800
Công ty Cổ phần Interserco Mỹ Đình	Công ty con	1.675.000.000	1.675.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	Công ty liên kết	3.440.829.306	1.624.402.900
Công ty Cổ phần Interserco 19	Công ty liên kết	430.483.900	480.483.900
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Mối quan hệ	-	14.000.000.000
Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch HĐQT	-	3.000.000.000
Bà Phùng Thúy Hoa	Thành viên HĐQT	-	1.000.000.000
Công ty cổ phần Logistics Hàng Không	Công ty liên kết	-	10.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ngày 18/12/2015, UBND thành phố Hà Nội đã quyết định số 6988/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế.

Theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác liên doanh số 09/2011/HĐLD/AZ-INTERSERCO ngày 30/03/2011 được ký giữa công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế (Bên A) và Công ty Cổ phần bất động sản AZ (Bên B) và bà Phạm Thị Hạnh (Bên C), các Bên thống nhất cùng nhau thành lập một công ty để tiến hành các thủ tục xin phép đầu tư, xây dựng và quản lý công trình xây dựng chung cư hỗn hợp cao cấp kết hợp văn phòng thương mại trên khu đất khoảng 38.000 m² tại 17 đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội. Phụ thuộc vào việc sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất và lập dự án đầu tư tại 17, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, các Bên sẽ góp phần thành lập công ty cổ phần và lập dự án đầu tư tại địa chỉ nói trên. Theo đó, Bên A và Bên C chịu trách nhiệm lập dự án, hoàn thiện các thủ tục theo quy định và trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, Bên B phải hoàn thành lập dự án chi tiết việc di dời cảng ICD ra ngoài vành đai 4 (tại Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội). Theo tiến độ thực hiện dự án, dự kiến sẽ tiến hành thi công dự án theo lộ trình từng phần phù hợp với mặt bằng đã được di chuyển hoàn tất, bắt đầu từ tháng 12 năm 2012. Theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 06/03/2016, Bên C đã được chuyển thành bà Tạ Thị Huyền Trang.

Theo văn bản số 3580/UBND-KT ngày 15/6/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế: "Sau khi xem xét, UBND thành phố có ý kiến như sau: Chấp thuận đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2998/STC-TCDN ngày 30/05/2016; cho phép Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vimediland để thực hiện dự án Tổ hợp thương mại và căn hộ cao cấp City Of Dreams theo quy hoạch tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, với mức vốn điều lệ của công ty cổ phần là 290 tỷ đồng (hai trăm chín mươi tỷ đồng). Trong đó, Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế góp 26% vốn điều lệ, tương ứng 75.400.000.000 đồng (bảy mươi lăm tỷ, bốn trăm triệu đồng) bằng tài sản trên đất, giá trị lợi thế quyền khai thác tài sản trên đất tại số 17 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình II, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và từ nguồn tiền do các đối tác khác bồi thường hỗ trợ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính Công ty mẹ cho giai đoạn từ 30/11/2016 đến 31/12/2017 đã được kiểm toán. Do Công ty chuyển đổi mô hình từ Công ty nhà nước sang Công ty cổ phần từ thời điểm 30/11/2016, do đó số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không hoàn toàn so sánh được.

Một số số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán đã được Công ty trình bày lại sau khi Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố một số sai sót kế toán của các năm trước. Cụ thể:

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số trình bày lại tại 01/01/2018	Số liệu tại 31/12/2017	Đơn vị tính: VND
			Số phân loại Tăng(+)/ Giảm(-)
TÀI SẢN			(1.469.522.253)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	202.942.591.693	202.430.010.777	512.580.916
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	125.849.490.826	125.035.869.398	813.621.428
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.795.724.597)	-	(2.795.724.597)
NGUỒN VỐN			(1.469.522.253)
Lợi nhuận chưa phân phối	(25.136.108.326)	(23.666.586.073)	(1.469.522.253)

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Trưởng ban Tài chính- Đầu tư

Tổng Giám đốc

Phùng Ngọc Dung

Triệu Văn Bằng

Nguyễn Thái Hòa

